

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ – ST

Ngày 18/4/2023.

V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:* Bà H'Năm Bkrông.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Xuân Vinh.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:***  
Bà Phạm Thị Thuý –Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 504/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXX – HNGĐ ngày 31/3/2023 giữa các đương sự :

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 5A (nay là thôn P1), xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn P3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

1. Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Đình T có tình cảm, yêu thương nhau, sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/7/2012 trên cơ sở tự nguyện. Chúng tôi chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khác nhau về quan điểm, suy nghĩ nên thường hay lời qua tiếng lại, xúc phạm lẫn nhau. Do không thể chung sống được với nhau nên chúng tôi đã sống ly thân từ khi tôi đang mang thai cho đến nay, vợ chồng cũng không hỏi thăm, quan tâm gì đến nhau. Xét thấy không còn tình cảm với nhau nên không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân, vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

-Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 01 đứa con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/11/2013. Tôi đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án tôi có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên xét thấy trong thời gian vừa qua anh T cũng đã có hỗ trợ cho tôi nuôi con một phần, nay anh T hoàn cảnh khó khăn, mức lương thấp nên tôi xin rút yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ, bị đơn anh Nguyễn Đình T khai như sau:

Anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị Thu T có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/7/2012. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù đã nhiều lần ngồi lại tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn thì anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/12/2013, hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ nên anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/ tháng, do hiện nay anh đang làm công nhân, lương 5.000.000 đồng/tháng, anh đang ở phòng trọ và nuôi mẹ già, vừa đủ trang trải cuộc sống nên tạm thời không thể cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Do anh Nguyễn Đình T đi làm xa, đi lại khó khăn nên anh xin vắng mặt tại các phiên làm việc và xét xử của Tòa án.

**Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:**

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay có thể xác định tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đình T mâu thuẫn trầm trọng, chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đình T đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

+ Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/11/2013, quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thu T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung do hiện nay cháu đang cùng sống với mẹ và đang

được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, nguyện vọng của chị T là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/11/2013 cho chị Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đến tuổi trưởng thành, tuy nhiên tại phiên tòa chị T xin rút yêu cầu khởi kiện đối với cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định của pháp luật, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con.

+ Đối với tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/11/2013 cho chị Nguyễn Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Đình T có đơn xin xét xử vắng mặt vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đình T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/7/2012, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày

25/11/2013. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Nguyễn Đình T cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đình T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị T xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn, anh Nguyễn Đình T đồng ý. Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chung sống thì xác định được, vợ chồng chị T, anh T đã sống ly thân một thời gian dài. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đình T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T, cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/11/2013, hiện nay cháu Bảo đang sống cùng mẹ, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia B cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy hiện nay chị T đang là người trực tiếp nuôi con nên nguyện vọng của chị T là chính đáng, trong biên bản lấy lời khai anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, vì vậy cần giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/11/2013 cho chị Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Đình T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng con nuôi chung: Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đến tuổi trưởng thành, tuy nhiên tại phiên tòa chị T xin rút yêu cầu khởi kiện đối với cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định của pháp luật, vì vậy áp dụng điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.*

*Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 , 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.*

*Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T.

-Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

-Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Đình T có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/11/2013.

Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 25/11/2013 cho chị Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Đình T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0016621 ngày 16/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

-Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã E, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

**H' Năm Bkrông**



